



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 15/01/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3303070165 ngày 30/12/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, các lần thay đổi lần thứ 10 vào ngày 17/7/2019 với mã số doanh nghiệp là 4000101608.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4000101608 thay đổi lần thứ 10 ngày 17/7/2019 là 30.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Forest Products Export Joint stock Company of Quang Nam.

Tên Công ty viết tắt: FOREXCO QUANGNAM.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpcCOM với mã FRC.

Trụ sở chính của Công ty: Khởi phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam trong năm và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Chủ tịch HĐQT
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Thuý	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng ban
Ông Phan Văn Tuyền	Thành viên
Bà Võ Thị Phương Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Quảng Thanh Bình	Giám đốc
Ông Đặng Công Quang	Phó Giám đốc
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Tuấn Nguyên Khương	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Quảng Thanh Bình

Giám đốc

Quảng Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số: 142/2024/BCKT-CPA VIETNAM- NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



A blue ink signature of Vũ Xuân Hùng, written in a cursive style.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 4015-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		153.289.653.777	220.514.762.321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.269.852.597	3.140.453.103
1. Tiền	111		30.269.852.597	3.140.453.103
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	58.000.000.000	80.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.000.000.000	80.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.614.327.780	46.971.208.481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.794.843.067	31.438.688.647
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.716.034.010	3.302.916.708
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	12.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.657.999.166	1.642.264.954
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(20.554.548.463)	(1.912.661.828)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	44.697.166.420	81.899.045.980
1. Hàng tồn kho	141		51.294.212.398	86.309.697.425
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.597.045.978)	(4.410.651.445)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.708.306.980	8.504.054.757
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	169.424.255	1.188.279.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.538.882.725	6.173.565.855
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	-	1.142.209.074
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		69.849.068.636	84.410.199.122
II. Tài sản cố định	220		38.147.146.451	52.896.749.682
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	35.985.076.465	50.708.679.692
- Nguyên giá	222		151.453.018.278	151.796.069.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.467.941.813)	(101.087.390.297)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.162.069.986	2.188.069.990
- Nguyên giá	228		2.266.070.000	2.266.070.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.000.014)	(78.000.010)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.479.686.477	1.492.649.440
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.479.686.477	1.492.649.440
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	30.003.000.000	30.003.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.003.000.000	30.003.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		219.235.708	17.800.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	219.235.708	17.800.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		223.138.722.413	304.924.961.443

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		75.429.575.665	157.581.871.768
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		74.905.392.998	156.661.698.242
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	8.161.068.051	19.959.369.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	4.271.154.617	3.805.585.234
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	370.059.662	5.798.468.092
4. Phải trả người lao động	314		17.317.092.151	13.066.368.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	73.459.343	943.667.206
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	2.324.440.304	4.069.316.229
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	37.453.666.213	86.668.135.430
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	4.912.816.450	22.326.151.989
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		21.636.207	24.636.207
II. Nợ dài hạn	330		524.182.667	920.173.526
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	524.182.667	920.173.526
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.709.146.748	147.343.089.675
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	147.709.146.748	147.343.089.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.755.878.435	6.755.878.435
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.953.268.313	110.587.211.240
- LNST chưa phân phối lũy kế				
- đến cuối kỳ trước	421a		110.587.211.240	89.233.499.045
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		366.057.073	21.353.712.195
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		223.138.722.413	304.924.961.443
(440 = 300+400)				

Quảng Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Trần Thị Thiên Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Liễu

Giám đốc



Quảng Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	150.089.936.813	229.211.783.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		150.089.936.813	229.211.783.849
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	120.900.143.328	167.897.439.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.189.793.485	61.314.344.264
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.376.282.029	6.089.832.478
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.216.854.302	6.165.516.039
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.501.871.331	3.511.858.702
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	8.799.021.029	10.800.891.932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	23.128.891.091	22.473.274.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		421.309.092	27.964.494.682
11. Thu nhập khác	31	6.6	625.523.546	3.389.787.378
12. Chi phí khác	32	6.6	310.474.108	4.265.378.273
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		315.049.438	(875.590.895)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		736.358.530	27.088.903.787
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	370.301.457	5.735.191.592
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		366.057.073	21.353.712.195
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	122,0	7.117,9

Quảng Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Trần Thị Thiên Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Liễu

Giám đốc



Quảng Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		164.835.134.449	243.289.707.153
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(65.180.957.173)	(123.911.786.517)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.703.271.352)	(46.153.604.769)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.574.647.331)	(3.484.061.653)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.923.796.669)	(8.329.309.846)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.950.204.238	38.352.671.666
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.149.248.520)	(75.245.225.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.253.417.642	24.518.390.282
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.167.965.060)	(15.838.403.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		190.907.565	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.000.000.000)	(128.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.500.000.000	88.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.485.749.294	2.991.230.428
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		38.008.691.799	(52.847.172.622)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		107.932.449.453	166.322.561.033
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(157.146.918.670)	(153.614.852.936)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.710.000)	(2.794.050.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.216.179.217)	9.913.657.797
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		27.045.930.224	(18.415.124.543)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.140.453.103	22.062.832.871
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		83.469.270	(507.255.225)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	30.269.852.597	3.140.453.103

Quảng Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Trần Thị Thiên Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Liễu

Giám đốc



Quảng Thanh Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã
Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 15/01/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3303070165 ngày 30/12/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thay đổi lần thứ 10 vào ngày 17/07/2019 với mã số doanh nghiệp là 4000101608.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4000101608 thay đổi lần thứ 10 vào ngày 17/07/2019 là 30.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Forest Products Export Joint stock Company of Quang Nam.

Tên Công ty viết tắt: FOREXCO QUANGNAM.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpcCOM với mã FRC.

Trụ sở chính của Công ty: Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 313 người (tại ngày 31/12/2022 là 542 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ. Chi tiết: Khai thác, chế biến gỗ và lâm đặc sản;
- Khai thác gỗ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Chế biến gỗ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường giao thông nông thôn, cầu cống nhỏ, công trình thủy lợi nhỏ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp. Chi tiết: Thiết kế và khai thác rừng trồng, thiết kế trồng rừng;
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia. Chi tiết: Sản xuất bao bì carton;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì carton;
- Sản xuất điện, truyền tài và phân phối điện.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất hàng mọt xuất khẩu.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khối phố Cầu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã
Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Xí nghiệp Lâm Đặc sản Tam Kỳ	Khối phố 7, Phường Trường Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Xí nghiệp Lâm nghiệp Quảng Nam	Khối phố 7, Phường Trường Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Xí nghiệp Mộc Việt Đức	Số 462 Hùng Vương, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Hòa Nhơn	Thôn Thạch Nham Đông, Xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Điện Ngọc	Khối phố Tứ Hà, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng tại ngày 31/12/2023.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao

(Số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải trả gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước theo hợp đồng vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, doanh thu dịch vụ khai thác rừng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết và lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẦU QUẢNG NAM**

Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã
Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	147.787.849	390.598.737
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.122.064.748	2.749.854.366
Tổng	30.269.852.597	3.140.453.103

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khởi phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã
Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	58.000.000.000	58.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	58.000.000.000	58.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Tổng	58.000.000.000	58.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại lãi suất từ 9,0%/năm đến 11,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẤU QUẢNG NAM

Khối phố Cầu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn,
tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	15%	15%	30.003.000.000	(*)	30.003.000.000	(*)
Công Ty CP Du lịch Càn Thơ			30.003.000.000	-	30.003.000.000	-
Tổng			30.003.000.000	-	30.003.000.000	-

(*) Các khoản đầu tư của Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị hợp lý, Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi sổ.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	29.794.843.067	31.438.688.647		
Kingfisher International Product Limited	2.991.764.216	11.632.247.573		
Gigacloud Trading Inc	4.851.077.336	-		
Noble House Home Furnishings, LLC	17.817.783.744	-		
Carrefour Global Sourcing Asia Ltd	-	10.596.918.317		
Cainz Corporation	-	3.068.390.838		
Các đối tượng khác	4.134.217.771	6.141.131.919		
Tổng	29.794.843.067	31.438.688.647		

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khoá phố Cầu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.716.034.010	3.302.916.708
Công ty TNHH Sản xuất DV và TM Tâm Bình Minh	-	1.050.000.000
Công ty TNHH Hiếu Nam	532.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Xây Dựng Vinh Phát	1.024.051.800	1.024.051.800
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Anh	609.000.000	-
Đối tượng khác	550.982.210	828.864.908
Tổng	2.716.034.010	3.302.916.708

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Nguyễn Thủy Nguyên (*)	-	12.500.000.000
Tổng	-	12.500.000.000

(*) Khoản phải thu về cho vay theo hợp đồng số 01/2022/HĐVV/FOREXCO-NTN ngày 21/10/2022 thời hạn vay 13 tháng, lãi suất vay 9,3%/năm, không có tài sản đảm bảo. Đã tất toán trong năm 2023.

5.6 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.657.999.166	-	1.642.264.954	-
Các khoản khác	1.571.234.935	-	1.524.837.948	-
	86.764.231	-	117.427.006	-
Tổng	1.657.999.166	-	1.642.264.954	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	20.861.764.003	307.215.540	1.960.693.028	48.031.200
<i>Trong đó:</i>	<i>Quá hạn từ 6 tháng tới 1 năm</i>	<i>Quá hạn từ 1 năm tới 2 năm</i>	<i>Quá hạn 2 năm tới 3 năm</i>	<i>Quá hạn trên 3 năm</i>
Noble House Home Furnishings, LLC (i)	17.817.783.744	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Vinh Phát	-	-	1.024.051.800	-
AKS Handels GMBHU.CO.KG	-	-	-	947.546.150
Công ty CP Đầu tư AIO	-	-	-	812.432.490
Đối tượng khác	-	-	-	259.949.819
Tổng	17.817.783.744	-	1.024.051.800	2.019.928.459

(i) Khách hàng tuyên bố phá sản

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.374.095.167	-	24.461.437.359	(308.582.098)
Công cụ, dụng cụ	176.948.617	-	281.699.299	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.511.059.912	(463.869.047)	31.542.127.058	(364.661.513)
Thành phẩm	13.131.385.894	(6.133.176.931)	29.919.766.385	(3.737.407.834)
Hàng gửi đi bán	100.722.808	-	104.667.324	-
Tổng	51.294.212.398	(6.597.045.978)	86.309.697.425	(4.410.651.445)

Toàn bộ hàng tồn kho đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**
Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	169.424.255	1.188.279.828
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.750.000	1.008.149.466
Chi phí ngắn hạn khác	161.674.255	180.130.362
Dài hạn	219.235.708	17.800.000
Vườn ươm 2022	197.467.387	17.800.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.768.321	-
Tổng	388.659.963	1.206.079.828

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẤU QUẢNG NAM
 Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn,
 tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2023	58.539.817.707	69.110.100.018	8.758.008.065	155.329.967	15.232.814.232	151.796.069.989	
Tăng trong năm	168.829.982	1.220.000.000	468.384.347	-	-	1.857.214.329	
Mua trong năm	-	1.220.000.000	425.254.727	-	-	1.645.254.727	
Đầu tư XDCB hoàn thành	168.829.982	-	43.129.620	-	-	211.959.602	
Giảm trong năm	(1.373.974.060)	(793.593.980)	-	(32.698.000)	-	(2.200.266.040)	
Thanh lý, nhượng bán	(1.373.974.060)	(793.593.980)	-	(32.698.000)	-	(2.200.266.040)	
Số dư tại 31/12/2023	57.334.673.629	69.536.506.038	9.226.392.412	122.631.967	15.232.814.232	151.453.018.278	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2023	45.407.342.295	42.826.887.118	5.625.915.413	139.375.410	7.087.870.061	101.087.390.297	
Tăng trong năm	4.633.266.246	8.334.457.393	704.675.682	7.363.632	2.878.960.284	16.558.723.237	
Khấu hao trong năm	4.633.266.246	8.334.457.393	704.675.682	7.363.632	2.878.960.284	16.558.723.237	
Giảm trong năm	(1.351.879.741)	(793.593.980)	-	(32.698.000)	-	(2.178.171.721)	
Thanh lý, nhượng bán	(1.351.879.741)	(793.593.980)	-	(32.698.000)	-	(2.178.171.721)	
Số dư tại 31/12/2023	48.688.728.800	50.367.750.531	6.330.591.095	114.041.042	9.966.830.345	115.467.941.813	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2023	13.132.475.412	26.283.212.900	3.132.092.652	15.954.557	8.144.944.171	50.708.679.692	
Số dư tại 31/12/2023	8.645.944.829	19.168.755.507	2.895.801.317	8.590.925	5.265.983.887	35.985.076.465	

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 4.023.988.899 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 8.034.134.810 đồng)
 Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 73.154.209.500 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 62.593.400.604 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2023	130.000.000	2.136.070.000	2.266.070.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>130.000.000</u>	<u>2.136.070.000</u>	<u>2.266.070.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2023	78.000.010	-	78.000.010
Tăng trong năm	26.000.004	-	26.000.004
Khấu hao trong năm	26.000.004	-	26.000.004
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>104.000.014</u>	<u>-</u>	<u>104.000.014</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2023	51.999.990	2.136.070.000	2.188.069.990
Số dư tại 31/12/2023	<u>25.999.986</u>	<u>2.136.070.000</u>	<u>2.162.069.986</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại 31/12/2023 là 2.136.070.000 đồng (tại 31/12/2022 là 2.136.070.000 đồng).

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không xác định thời hạn với diện tích 1.620 m² tại phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có nguyên giá 1.905.070.000 đồng, mục đích sử dụng là xây dựng trụ sở làm việc của Văn phòng Công ty và 308 m² đất tại phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam có nguyên giá 231.000.000 đồng, mục đích sử dụng là xây dựng nhà ăn của nhân viên tại Xí nghiệp Lâm đặc sản Tam Kỳ.

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.479.686.477	1.492.649.440
Nhà 50x 62.5 XN Điện Ngọc	1.039.476.384	1.039.476.384
Nhà 50x 80 XN Mộc Việt Đức	234.603.164	234.603.164
Dự án khác	205.606.929	218.569.892
Tổng	1.479.686.477	1.492.649.440

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	8.161.068.051	8.161.068.051	19.959.369.145	19.959.369.145
Công ty TNHH Bao bì Tấn Đạt	1.293.887.025	1.293.887.025	2.471.996.829	2.471.996.829
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Anh	1.100.907.924	1.100.907.924	-	-
Công ty TNHH Thái Hoàng Phương	783.774.316	783.774.316	1.434.175.487	1.434.175.487
Công ty TNHH Tôn - Thép Asa	514.070.291	514.070.291	387.117.011	387.117.011
Công ty TNHH Sản xuất - Dịch vụ và Thương mại Tâm Bình Minh	-	-	2.072.423.232	2.072.423.232
Đối tượng khác	4.468.428.495	4.468.428.495	13.593.656.586	13.593.656.586
Tổng	8.161.068.051	8.161.068.051	19.959.369.145	19.959.369.145

5.14 Vay

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	37.453.666.213	37.453.666.213	107.932.449.453	157.146.918.670
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (i)	11.735.907.389	11.735.907.389	78.034.563.940	152.944.811.071
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (ii)	10.695.777.914	10.695.777.914	14.897.885.513	4.202.107.599
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường (iii)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Kho bạc huyện Núi Thành	21.980.910	21.980.910	-	21.980.910
Tổng	37.453.666.213	37.453.666.213	107.932.449.453	157.146.918.670
Trong đó: Vay ngắn hạn là các bên liên quan	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-

Trong đó: Vay ngắn hạn là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM

Khởi phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn,
tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vay (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (i) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 155/2023/CTD/VCB-KHDN ngày 14/09/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay là 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng). Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh của bên vay. Lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng và có định trong suốt thời gian nhận nợ, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Biện pháp đảm bảo tiền vay là các hợp đồng, thẻ chấp, cầm có tài sản của Công ty.
- (ii) Hợp đồng cấp tín dụng số DNG202181642/HĐCTD/PL839929 ngày 18/1/2023 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn của mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kèm Kế ước nhận nợ. Lãi suất theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Tài trợ vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là bất động sản và động sản.
- (iii) Hợp đồng vay vốn số 01.12/2023/HĐCV/FOREXCO-VC ngày 01/12/2023 giữa Công ty Liên hợp Xây dựng Vạn Cường và Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam. Số tiền vay: 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 05/12/2023, lãi suất 0,42%/tháng. Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngắn hạn. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	4.271.154.617	3.805.585.234
Business Control Establishment	1.309.971.349	1.187.153.294
Butlers GmbH & Co. Kg	1.672.877.861	43.905.341
Noble House Home Furnishings, LLC	-	2.167.501.265
Ekostyren S.r.o.	786.759.074	-
Đối tượng khác	501.546.333	407.025.334
Tổng	4.271.154.617	3.805.585.234

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	5.798.468.092	2.488.593.975	7.917.002.405	370.059.662
Thuế giá trị gia tăng	-	404.208.797	290.368.767	113.840.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.735.191.592	370.301.457	5.923.796.669	181.696.380
Thuế thu nhập cá nhân	63.276.500	120.973.276	181.393.476	2.856.300
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.362.471.654	1.290.804.702	71.666.952
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	230.638.791	230.638.791	-
	01/01/2023	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	1.142.209.074	-	1.142.209.074	-
Thuế GTGT nộp thừa	322.333.748	-	322.333.748	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	819.875.326	-	819.875.326	-

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	73.459.343	943.667.206
Chi phí lãi vay phải trả	13.584.794	72.776.000
Chi phí tiền điện sản xuất	46.501.249	-
Chi phí tạm nhập hàng hóa	-	869.241.206
Chi phí khác	13.373.300	1.650.000
Tổng	73.459.343	943.667.206

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khố phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Phải trả khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	2.324.440.304	4.069.316.229
Kinh phí công đoàn	337.953.000	436.548.000
Bảo hiểm xã hội;	402.388.344	668.087.860
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.500.000	1.121.500.000
Phải trả chi phí chăm sóc và khai thác rừng	997.249.187	1.191.746.025
Các khoản phải trả khác	226.349.773	651.434.344
Tổng	2.324.440.304	4.069.316.229

5.19 Dự phòng phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	4.912.816.450	22.326.151.989
Dự phòng quỹ tiền lương	-	8.123.100.310
Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	4.912.816.450	14.203.051.679
Dài hạn	524.182.667	920.173.526
Dự phòng bảo hành công trình trồng rừng	524.182.667	920.173.526
Tổng	5.436.999.117	23.246.325.515

5.20 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	30.000.000.000	6.755.878.435	92.233.499.045	128.989.377.480
Tăng trong năm	-	-	21.353.712.195	21.353.712.195
Lãi trong năm trước	-	-	21.353.712.195	21.353.712.195
Giảm trong năm	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chi trả cổ tức năm 2021	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	30.000.000.000	6.755.878.435	110.587.211.240	147.343.089.675
Số dư tại 01/01/2023	30.000.000.000	6.755.878.435	110.587.211.240	147.343.089.675
Tăng trong năm	-	-	366.057.073	366.057.073
Lãi trong năm nay	-	-	366.057.073	366.057.073
Số dư tại 31/12/2023	30.000.000.000	6.755.878.435	110.953.268.313	147.709.146.748

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đông Thị Thắm	19.516.000.000	19.516.000.000
Tổng công ty vận tải thủy - CTCP	5.692.350.000	5.692.350.000
Vốn góp của cổ đông	4.791.650.000	4.791.650.000
Tổng	30.000.000.000	30.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.755.878.435	6.755.878.435

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	148.341.607.682	214.671.663.135
Doanh thu khai thác rừng	1.748.329.131	14.540.120.714
Tổng	150.089.936.813	229.211.783.849

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	114.422.203.962	159.118.522.650
Giá vốn khai thác rừng	1.977.778.346	8.709.075.679
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.500.161.020	69.841.256
Tổng	120.900.143.328	167.897.439.585

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.485.748.794	2.991.230.428
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.828.743.817	3.098.602.050
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	61.789.418	-
Tổng	8.376.282.029	6.089.832.478

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	4.501.871.331	3.511.858.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	714.982.971	1.844.633.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	809.024.073
Tổng	5.216.854.302	6.165.516.039

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khối phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	8.799.021.029	10.800.891.932
Chi phí nhân viên quản lý	2.080.070.094	1.964.019.060
Chi phí vật liệu quản lý	-	6.983.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	900.000	-
Chi phí khấu hao	119.374.840	238.749.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.975.673.174	6.468.352.260
Chi phí khác bằng tiền	1.623.002.921	2.122.787.104
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.128.891.091	22.473.274.089
Chi phí nhân viên quản lý	7.599.717.990	10.195.435.560
Chi phí vật liệu quản lý	-	38.727.274
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.225.052	61.533.306
Chi phí khấu hao TSCĐ	960.265.094	974.784.403
Thuế, phí và lệ phí	14.929.793	19.948.513
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	7.651.137.765	723.257.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.966.959	1.239.347.579
Chi phí bằng tiền khác	6.271.648.438	9.220.239.971
Tổng cộng	31.927.912.120	33.274.166.021

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý phế liệu	190.907.565	131.901.178
Tiền bảo hiểm Keosan	-	3.187.326.000
Thu nhập khác	434.615.981	70.560.200
Tổng	625.523.546	3.389.787.378
Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	70.164.319	3.459.167.776
Chi phí không được trừ các khoản truy thu thuế	217.257.627	113.106.691
Các khoản chậm nộp	12.655.162	114.553.683
Chi phí khác	10.397.000	578.550.123
Tổng	310.474.108	4.265.378.273
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	315.049.438	(875.590.895)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khởi phố Cầu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	736.358.530	27.088.903.787
Các khoản điều chỉnh tăng	172.123.371	1.587.054.173
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>172.123.371</i>	<i>1.587.054.173</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	908.481.901	28.675.957.960
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	181.696.380	5.735.191.592
- Điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quyết định 222/QĐ-XPHC ngày 17/01/23 vào chi phí thuế Thu nhập hiện hành năm nay	188.605.077	-
Tổng	370.301.457	5.735.191.592

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	366.057.073	21.353.712.195
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	366.057.073	21.353.712.195
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	122,0	7.117,9

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khởi phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.950.981.139	186.446.916.516
Chi phí nhân công	31.550.402.302	49.463.839.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.584.723.241	15.036.357.049
Chi phí dự phòng	7.651.137.765	723.257.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.647.070.358	16.483.881.400
Chi phí khác bằng tiền	20.600.967.376	26.467.433.096
Tổng	164.985.282.181	294.621.684.633

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng công ty vận tải thủy - CTCP

Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc,
người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các
thành viên này.

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Liên quan với cổ đông lớn

Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ban Giám đốc	Lương	1.271.240.425	1.470.736.000
Ông Quảng Thanh Bình	Giám đốc	476.604.000	570.800.000
Ông Đặng Công Quang	Phó Giám đốc	294.265.385	360.300.000
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Giám đốc	218.333.000	272.202.000
Ông Trịnh Tuấn Nguyễn Khương	Phó Giám đốc	282.038.040	267.434.000
Tổng		1.271.240.425	1.470.736.000

b. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Vay		15.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	Vay tiền	15.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT
KHẨU QUẢNG NAM**

Khôi phố Câu Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện
Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Vay		15.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	Vay tiền	15.000.000.000	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Quảng Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Trần Thị Thiên Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Liễu

Giám đốc



Quảng Thanh Bình